

2026青苗乒乓球區際錦標賽
抽籤結果

男子A組 (BA)

1	第1組
1	方子睿 WC
2	黃梓桐 HMT
3	曾康明 ST

2	第2組
1	陳文廷 HMT
2	盧家淳 ST
3	孫偉舜 TP

3	第3組
1	譚愷鍵 CW
2	陳奕行 TM
3	孫煒翔 TP

4	第4組
1	林卓熹 HMT
2	蔡子樂 CW
3	翁柏軒 ST
4	袁嘉軒 TW

5	第5組
1	殷啟傑 HMT
2	趙梓淳 WC
3	劉晉宏 KT
4	鄧梓雋 TW

6	第6組
1	王俊融 TW
2	郭君睿 KT
3	楊梓喬 WC
4	張正言 TP

7	第7組
1	何禮軍 HMT
2	周浩鏗 TP
3	翁天進 KT
4	陳雨謙 TW

8	第8組
1	李歷衡 WC
2	方心莊 TM
3	周思遠 TP
4	顧學賢 TW

9	第9組
1	曾顯哲 CW
2	羅培榮 TP
3	李卓堯 KT
4	方彥謙 ST

10	第10組
1	羅樂熙 KT
2	梅毅信 ST
3	陳柏淳 TM
4	林智聲 CW

11	第11組
1	張海駿 TP
2	屈子力 HMT
3	陳映霖 ST
4	馬哲唯 TM

12	第12組
1	王明宇 TW
2	單朗亨 CW
3	章永鏗 WC
4	黃焯珣 TM

13	第13組
1	李泓曆 CW
2	朱信彥 WC
3	王晗佑 KT
4	吳沛泓 TM

2026青苗乒乓球區際錦標賽
抽籤結果

男子B組 (BB)

1	第1組
1	簡瑋嶠 HMT
2	梁明澤 TM
3	鄧正楠 TW
4	胡潤翹 CW

2	第2組
1	鄧卓灝 TM
2	馬梓謙 WC
3	梁樂彥 TP
4	周子超 ST

3	第3組
1	田尚民 TP
2	冼嘉謙 WC
3	鄭健森 TM
4	胡溢鏞 CW

4	第4組
1	葉逸朗 TM
2	朱朗堯 KT
3	黃也樂 TP
4	陳進彥 CW

5	第5組
1	黃浚堯 CW
2	蕭頌謙 HMT
3	林凱威 TM
4	馬鉅晞 KT

6	第6組
1	范希諾 TP
2	區領謙 TW
3	李易謙 WC
4	羅紀翹 TM

7	第7組
1	張靖然 ST
2	邱子軒 TW
3	曾嘉俊 KT
4	羅傲樛 CW

8	第8組
1	陳鉦嵐 TP
2	羅毅 HMT
3	湛桐 ST
4	巫少迪 WC

9	第9組
1	鄭禧朗 HMT
2	方昇 TW
3	陳梓煊 WC
4	施韋丞 KT

10	第10組
1	李柏霖 KT
2	梁凱傑 ST
3	曾浩然 TW
4	勞俊樂 WC

11	第11組
1	李智烽 KT
2	陸玉瓏 TP
3	陳天朗 ST
4	陸勇光 CW

12	第12組
1	黃梓樂 TW
2	李樂言 HMT
3	沈善恆 ST
4	許梓瑋 TM

2026青苗乒乓球區際錦標賽
抽籤結果

女子A組 (GA)

1	第1組
1	徐曉晴 CW
2	吳浠彤 KT
3	陳玟熹 HMT

2	第2組
1	官卓琳 TM
2	黃青霖 TW
3	陳迦瑜 CW

3	第3組
1	何芯藍 ST
2	陳偉彤 KT
3	蕭卓凝 CW
4	劉芷澄 TM

4	第4組
1	蔣佩柔 HMT
2	孫穎欣 KT
3	林天藍 ST
4	譚皓嫻 TM

5	第5組
1	張茗涵 HMT
2	沈奕攸 WC
3	吳睿晴 KT
4	何玗滸 TM

6	第6組
1	譚芷盈 CW
2	曾曉如 TP
3	陳以安 WC
4	廖杫語 TM

7	第7組
1	劉佩凝 TP
2	屈子芷 KT
3	馮萬韻 HMT
4	吳芷如 WC

8	第8組
1	莊善媛 TW
2	謝鎧臻 WC
3	高可柔 ST
4	呂樂怡 TP

9	第9組
1	包杏千 WC
2	梁可悠 TW
3	陳樂霖 TM
4	李迦橋 ST

10	第10組
1	黃思齊 TW
2	汪詩妤 CW
3	黃逸榛 WC
4	鄭宛芯 TP

11	第11組
1	林樂兒 HMT
2	梁靖 TP
3	梁善潼 TW
4	梁心柔 ST

12	第12組
1	張千穗 CW
2	鍾焯彤 TW
3	楊詠心 ST
4	蕭紫喬 KT

2026青苗乒乓球區際錦標賽
抽籤結果

女子B組 (GB)

1	第1組
1	余齡 KT
2	郭昱彤 TW
3	蔡沛恩 CW

2	第2組
1	黃健怡 TM
2	劉昊恩 TP
3	何穎芯 KT

3	第3組
1	岑樂思 TW
2	謝侃頤 CW
3	蕭靖兒 KT

4	第4組
1	劉珮霖 TP
2	萬庭希 ST
3	黃逸桐 WC
4	蔡千瑩 HMT

5	第5組
1	尹芍堯 ST
2	梁殷堤 TP
3	董穎榕 KT
4	郭心月 HMT

6	第6組
1	張彥楠 TM
2	陳沚淩 HMT
3	何雪芊 ST
4	陳夢琪 CW

7	第7組
1	張焯茵 TM
2	陳樂庭 CW
3	施凱情 ST
4	陳心悅 TW

8	第8組
1	劉祉君 HMT
2	李梓柔 ST
3	劉珮琪 TM
4	楊尚宜 WC

9	第9組
1	尹沛琳 TP
2	林芯蕾 TM
3	王韻喬 CW
4	岳小琪 WC

10	第10組
1	黃焮蕎 WC
2	何芯悠 KT
3	曾婷滄 TP
4	譚紀晴 TM

11	第11組
1	郭泳靈 KT
2	黃遵伊 WC
3	林祺雅 ST
4	何菁頌 TW

12	第12組
1	鍾焯淋 TW
2	李聿喬 WC
3	陳祉穎 KT
4	歐愷昕 HMT

13	第13組
1	王感恩 TW
2	關紫琳 CW
3	朱紫彤 WC
4	張仟霖 TP